

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc cho phép chuyển mục đích sử dụng đất và cho Công ty TNHH
Chăn nuôi Đại Lộc thuê đất để xây dựng trang trại chăn nuôi heo nái**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT ngày 19/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất;

Căn cứ Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 30/2014/TT-BTNMT ngày 02/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về hồ sơ giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất;

Căn cứ Thông tư số 33/2017/TT-BTNMT ngày 29/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai và sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời chấp thuận nhà đầu tư số 1989/QĐ-UBND (Cấp lần đầu ngày 02/8/2021) của UBND tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 2094/QĐ-UBND ngày 17/8/2021 của UBND tỉnh Bình Phước về việc chấp thuận cho triển khai thực hiện đối với các dự án đầu tư



và các trường hợp chuyển mục đích sử dụng đất chưa đăng ký trong Kế hoạch sử dụng đất năm 2021;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 678/TTr-STNMT ngày 29/9/2021,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cho phép chuyển mục đích sử dụng đất từ đất trồng cây lâu năm sang đất nông nghiệp khác và đất phi nông nghiệp khác và cho Công ty TNHH Chăn nuôi Đại Lộc thuê đất với diện tích theo số liệu đo đạc thực tế là 99.801,6 m² (Chín mươi chín nghìn, tám trăm lẻ một phẩy sáu mét vuông) để xây dựng trang trại chăn nuôi heo nái, cụ thể như sau:

1. Khu đất tọa lạc tại: Thôn 3, xã Đăk Ô, huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước.

2. Vị trí, ranh giới khu đất: Được xác định theo Mảnh trích đo địa chính tỷ lệ 1/5.000 do Công ty TNHH MTV đo đạc bản đồ ĐT&T thực hiện tháng 08 năm 2021, đã được Chi cục Quản lý đất đai kiểm tra ngày 17/9/2021.

3. Mục đích sử dụng đất:

- Đất nông nghiệp khác: 97.801,6 m²
- Đất phi nông nghiệp khác: 2.000 m²

4. Hình thức thuê đất: Nhà nước cho thuê đất trả tiền một lần.

5. Thời hạn sử dụng đất: 50 (năm mươi) năm, kể từ ngày có Quyết định cho thuê đất.

6. Giá thuê đất: Do cơ quan có thẩm quyền xác định.

7. Nguồn gốc đất: Trước đây thuộc quyền sử dụng đất của các hộ dân: ông Nguyễn Văn Tiến và bà Lương Thị Chàn; hộ ông Đinh Văn Tính và Lê Thị Hoa; hộ ông Lê Hữu Sơn và bà Trần Thị Hồng; hộ ông Trần Thái Sơn và Vũ Thị Lan; hộ ông Nguyễn Công Bách và bà Nguyễn Thị Đan Thùy đã được UBND huyện Bù Gia Mập cấp 06 GCNQSD (Có danh sách chi tiết kèm theo). Công ty TNHH Chăn nuôi Đại Lộc đã nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất của các hộ dân nêu trên để triển khai dự án, được Văn phòng Đăng ký đất đai chỉnh lý biến động ngày 07/9/2021.

Điều 2. Sau khi có Quyết định, các cơ quan, đơn vị sau đây có trách nhiệm:

1. Sở Tài nguyên và Môi trường:

a) Chỉ đạo Văn phòng Đăng ký đất đai lập hồ sơ xác định thông tin địa chính về thửa đất gửi đến cơ quan có thẩm quyền để xác định nghĩa vụ tài chính mà Công ty TNHH Chăn nuôi Đại Lộc phải nộp (vị trí đất phi nông nghiệp khác xác định có giá trị nộp tiền chuyển mục đích cao nhất trong khu đất theo Công văn cam kết của Công ty TNHH Chăn nuôi Đại Lộc ngày 20/9/2021) và chỉnh lý hồ sơ địa chính theo quy định.

b) Chỉ đạo Chi cục Quản lý đất đai phối hợp với các đơn vị liên quan bàn giao đất ngoài thực địa.

2. Cục Thuế Bình Phước phối hợp với các cơ quan có liên quan: Thông báo các khoản nghĩa vụ tài chính mà Công ty TNHH Chăn nuôi Đại Lộc phải nộp (vị trí đất phi nông nghiệp khác xác định có giá trị nộp tiền chuyển mục đích cao nhất trong khu đất theo Công văn cam kết của Công ty TNHH Chăn nuôi Đại Lộc ngày 20/9/2021).

3. Công ty TNHH Chăn nuôi Đại Lộc:

a) Đến Sở Tài nguyên và Môi trường ký Hợp đồng thuê đất; Chấp hành đúng các quy định về quản lý, sử dụng đất.

b) Nộp tiền chuyển mục đích sử dụng đất và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định.

4. Sở Thông tin và Truyền thông chỉ đạo đơn vị chuyên môn đưa Quyết định này lên Cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các ông (bà): Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ngành: Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Cục Thuế Bình Phước, Xây dựng, Nông nghiệp và PTNT, Chủ tịch UBND huyện Bù Gia Mập, Chủ tịch UBND xã Đức Hạnh, Công ty TNHH Chăn nuôi Đại Lộc và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- LĐVP, P.KT;
- Trung tâm PVHCC;
- Lưu: VT.(Trung)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

**CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Huỳnh Anh Minh



**DANH SÁCH CÁC THỪA ĐẤT CỦA CÔNG TY TNHH
CHĂN NUÔI ĐẠI LỘC CHUYỂN MỤC ĐÍCH SỬ DỤNG ĐẤT**

(Kèm theo Quyết định số 2579/QĐ-UBND ngày 04 tháng 10 năm 2021
của UBND tỉnh Bình Phước)

Theo GCNQSD đất					Theo Bản đồ địa chính	Diện tích HLLG (m ²)	Diện tích đất nông nghiệp khác (m ²)	Diện tích đất phi nông nghiệp khác (m ²)	Diện tích chuyển mục đích sử dụng đất (m ²)	Ghi chú
Stt	Thửa đất	Tờ bản đồ số	Số seri GCN/Số vào sổ	Diện tích	Diện tích đo đạc lại theo thực tế sử dụng (m ²)					
1	44	11	CI351349 (CH 002819/Cmời-LP)	9.894,4	103.474,2	3.672,6	97.801,6	2.000,0	99.801,6	Diện tích giảm 1.858 m ² do xác định lại ranh giới thửa đất
2	53	11	CI 299830 (CH 002032/Cmời-LP)	30.344,4						
3	67	11	BK 023961 (CH 004508/CN)	22.484,0						
4	29	11	CI 351794 (CH 002105/Cmời-LP)	14.624,2						
5	36	11	CI 351510 (CH 002119/Cmời-LP)	12.353,4						
6	35	11	CI 299832 (CH 001738/Cmời-LP)	15.631,8						
TỔNG				105.332,2	103.474,2	3.672,6	97.801,6	2.000,0	99.801,6	